Mẫu số 01

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ FULLINK VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Quý 1 Năm 2026

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên người nộp phí: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ FULLINK VIỆT NAM

Địa chỉ: : Lô V-3, Đường N1, Khu công nghiệp Quế Võ II, Phường Đào Viên, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

MST:	2	3		0	1	2	4	9	4	8		1		-	-	-

Điện thoại: 0976 249 285 Fax:…… Email: shixing.dam@fullink.com

Tài khoản số: 4279599666 (VNĐ) Tại ngân hàng TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Loại hình, lĩnh vực sản xuất: Thiết bị truyền dẫn.
Chi tiết: - Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu;- Sản xuất cáp máy in, cáp màn hình, cáp USB;- Sản xuất bộ chuyển đổi nguồn điện;- Sản xuất sạc điện thoại**.**

Khí thải phát sinh từ cơ sở thuộc đối tượng chịu phí theo quy định như sau:

+ KT-001: Dòng khí thải: Tương ứng với hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình hàn, gắn keo, mạ thiếc (nguồn số 01, 02, 03): KT-001

B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ TÍNH PHÍ

i. Thông tin về dòng khí thải thứ I

i.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ):

Thời gian xả từng dòng khí thải	Tên dòng khí thải	Thời gian xả thải	Đơn vị
	KT-001	1080	Giờ

i.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm^3/giờ):

Lưu Lượng Khí Thải	Tên Dòng Khí Thải	Lưu Lượng Xả Thải	Đơn Vị
	KT-001	15.000	m^3/giờ

i.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	**Nồng độ** *(mg/Nm^3)*	**Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ**

		1-KT-001 (C_1)
Bụi tổng	3.5	22.68
NO_x (gồm NO_2 và NO)	1,88	12.18
SO_x	2,62	14.86
CO	1,14	4.62

Bảng i.3.1 : Phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong dòng khí thải KT01

i.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM**

C. SỐ PHÍ BIẾN ĐỔI PHẢI NỘP TRONG KỲ ($C = \Sigma C_i$)*

C = 22.68+12.18+14.86+4.62= 54 (đồng).

=54 (đồng).

D. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này =750.000 +54= 750.054 đồng.

2. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền *(đồng)*
1	Số phí phát sinh trong kỳ F= f/2 + C	750.054
2	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	0
3	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có)	0
4	Số phí còn phải nộp vào ngân sách nhà nước (1 + 2 - 3)	750.054

3. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước *(Viết bằng chữ)*: **Bảy trăm năm mươi nghìn không trăm năm mươi sáu.**

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị.

Cơ quan tiếp nhận, thẩm định
Tờ khai phí
Tờ khai phí ngày ……
(Người nhận ký và ghi rõ họ tên/Ký số)

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 04 năm 2026
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
KHAI, NỘP PHÍ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký điện tử/Ký số)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ FULLINK VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ FULLINK VIỆT NAM
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2301249481, CN=CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ FULLINK VIỆT NAM, S=Bắc Ninh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.17 11:51:05+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

GIÁM ĐỐC
SONG, YU